

HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI NGUỒN LỰC TRONG VIỆC HỖ TRỢ PHỤ NỮ ĐƠN THÂN TẠI XÃ MAI LÂM, HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TS. Nguyễn Trung Hải 79

Trường Đại học Lao động - Xã hội

hainguyentrong1979@gmail.com

Lê Thị Quyên

HVCH K3-CTXH, Trường Đại học Lao động - Xã hội

quyenlt.tsc@gmail.com

Tóm tắt: Phụ nữ đơn thân không phải là một vấn đề mới trong xã hội hiện nay. Mặc dù vậy, một số phụ nữ đơn thân, đặc biệt là ở ngoại thành có cuộc sống khó khăn do những bất ổn trong hôn nhân và gia đình. Chính vì vậy, họ cần được quan tâm và nhận những hỗ trợ và kết nối nguồn lực để vươn lên trong cuộc sống. Bài viết này đánh giá về hoạt động kết nối nguồn lực đối với phụ nữ đơn thân tại xã Mai Lâm. Kết quả cho thấy phụ nữ đơn thân tại địa bàn nghiên cứu phần lớn nhận được sự kết nối về tài chính nhưng lại hạn chế về những nguồn lực tinh thần. Hiện nay, các doanh nghiệp chưa có những hỗ trợ cho nhóm phụ nữ đơn thân này do một phần chưa thấy đây là nhóm cần được hỗ trợ nguồn lực. Ngoài ra, những người thực hiện hoạt động kết nối nguồn lực còn chưa được đào tạo bài bản cũng là một hạn chế đến hiệu quả của hoạt động kết nối nguồn lực. Tuy nhiên về cơ bản, phụ nữ đơn thân đánh giá khá cao về hiệu quả của hoạt động kết nối nguồn lực và mong muốn tiếp tục được nhận sự hỗ trợ từ những hoạt động kết nối nguồn lực này.

Từ khóa: Phụ nữ đơn thân, kết nối nguồn lực, chính sách xã hội, cộng đồng

ACTIVITIES CONNECTING RESOURCES IN SUPPORTING SINGLE WOMEN IN MAI LAM COMMUNE, DONG ANH DISTRICT, HANOI CITY

Abstract: Single women are not a new problem in society today. Even so, some single women, especially in the suburbs, have a difficult life due to marital and family instability. Therefore, they need to be cared for and receive support and connection resources to rise in life. This article evaluates the resources connection activity for single women in Mai Lam commune. The results show that single women in the study area mostly receive financial connections but have limited mental resources. Currently, businesses do not have support for this group of single women because they do not see this group as a group that needs resource support. In addition, those who carry out resource's connection activities have not been properly trained, which is also a limitation to the effectiveness of the resource's connection activities. However, basically, single women highly appreciate the effectiveness of life skills activities and want to continue to receive support from these resources' connection activities.

Keywords: Single woman, resource connection, social policy, community

Mã bài báo: JHS - 113

Ngày nhận bài sửa: 27/03/2023

Ngày nhận bài: 01/03/2023

Ngày duyệt đăng: 20/04/2023

Ngày nhận phản biện: 14/03/2023

1. Đặt vấn đề

Phụ nữ đơn thân (PNĐT) là nhóm đối tượng yếu thế và gặp rất nhiều những vấn đề khó khăn trong cuộc sống nhất là về kinh tế và tình cảm. Họ là những người rất cần được cộng đồng, xã hội quan tâm và giúp đỡ. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều hơn những chính sách hỗ trợ cho nhóm PNĐT, tuy nhiên mới chỉ có chỉ có chính sách hỗ trợ cho một nhóm ít PNĐT thuộc hộ nghèo đang nuôi con dưới 18 tuổi và trên 18 tuổi đến 22 tuổi đang đi học, nhóm phụ nữ cao tuổi từ 60 tuổi trở lên có đơn thuộc hộ nghèo và nhóm phụ nữ từ 80 tuổi trở lên với mức trợ cấp hàng tháng ít ỏi và thẻ bảo hiểm y tế khám chữa bệnh (Bộ Y tế, 2014). Còn lại nhóm số lượng lớn PNĐT hiện không có hoặc có rất ít các chính sách hỗ trợ và thực tế họ vẫn đang gặp vô vàn khó khăn trong cuộc sống. Mặt khác, các nguồn lực từ cộng đồng trợ giúp cho PNĐT hiện còn hạn chế, chưa thực hiện được nhiều và chưa hiệu quả, hầu hết các địa phương hiện đang tập trung vào nguồn lực của Nhà nước cho nhóm đối tượng này - việc thực hiện chế độ chính sách đã được luật định mà chưa đi sâu vào khai thác nguồn lực từ cộng đồng để trợ giúp cho họ. Chính vì vậy, việc kết nối nguồn lực (KNNL) có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng với các nhóm đối tượng yếu thế nói chung (Hải, 2016) và trong việc kết nối những người PNĐT nói riêng để tiếp cận được với những nguồn lực vật chất và phi vật chất trong cộng đồng và sử dụng các nguồn lực đó nhằm giải quyết được những khó khăn mà họ gặp phải và vươn lên trong cuộc sống. Thực hiện được điều này cũng chính là phát huy được cao nhất hiệu quả của các nguồn lực cộng đồng trong phát triển xã hội.

2. Tổng quan nghiên cứu

Đã có nhiều công trình nghiên cứu thuộc khối ngành Khoa học xã hội về các vấn đề liên quan đến PNĐT, phụ nữ nghèo đơn thân; cùng với đó, cũng có không ít công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề giới và chủ yếu là nữ giới như bất bình đẳng giới, lao động nữ, tình trạng phụ nữ nghèo... Các tác giả của các công trình nghiên cứu đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc chỉ ra được thực trạng, nguyên nhân và các mô hình trợ giúp, đề xuất giải pháp với từng địa bàn nghiên cứu.

Trong nghiên cứu của tác giả Vân (2015) về *"Vị thế của người phụ nữ trong xã hội Nho giáo Chosun và mối liên hệ với người mẹ đơn thân tại Hàn hiện nay"*. Hàn Quốc là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn của hệ tư tưởng Nho giáo. Nho giáo được cho là đã du nhập vào Hàn Quốc từ thời Tam Quốc (57-668), và phát triển cực thịnh ở thời đại Chosun (1392-1910). Nho giáo nhấn mạnh kiểu mẫu gia đình truyền thống mang đặc tính gia trưởng trong đó người đàn ông đóng vai trò trung tâm, trong khi người phụ nữ thường có vị thế thấp kém hơn, phụ thuộc vào người đàn ông đóng vai trò trưởng gia đình.

Ở xã hội Việt Nam hiện nay, phụ nữ đã được quan tâm nhiều hơn, tuy nhiên đối với nhóm PNĐT đặc biệt là đơn thân nghèo nuôi con vẫn chưa nhận được nhiều sự quan tâm, trợ giúp của cộng đồng và xã hội, thậm chí có địa phương nhóm phụ nữ này còn bị phân biệt đối xử. Trong các công trình nghiên cứu về phụ nữ thì nhóm PNĐT cũng ít được đề cập đến mà chủ yếu là được đan xen trong các công trình nghiên cứu về các vấn đề của phụ nữ nói chung. Trong quá trình tìm hiểu thông tin cho đề tài nghiên cứu, chúng tôi thấy ở Việt Nam hiện chỉ có một số nghiên cứu về PNĐT, ngoài ra chủ yếu là các bài viết trên các tạp chí và các bài báo cáo.

Một trong những nghiên cứu về PNĐT đầu tiên là tài liệu *"Cuộc sống của những người phụ nữ đơn thân Việt Nam"* của Trung tâm nghiên cứu khoa học về Gia đình và Phụ nữ của Thi (2002). Trong cuốn sách tác giả đã làm rõ các vấn đề như: PNĐT là ai? Thực trạng cuộc sống của họ? Những khó khăn mà họ gặp phải? Tâm lý và nhu cầu của họ? Những định kiến trong xã hội với PNĐT. Đặc biệt, nghiên cứu đã chỉ ra và đánh giá được vai trò của gia đình, cộng đồng và xã hội trong việc trợ giúp những người PNĐT.

Thứ hai là cuốn *"Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng"* của Trung tâm nghiên cứu Gia đình và Phụ nữ xuất bản năm 1996, cuốn sách này là kết quả của dự án nghiên cứu những gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng, được tài trợ bởi tổ chức SAREC của Thụy Điển. Cuốn sách đã miêu tả khá chi tiết về cuộc sống trong những gia đình phụ nữ thiếu vắng người chồng ở vùng nông thôn miền Bắc nước ta những năm 80, 90. Tác giả cũng đã đi sâu vào phân tích và

chỉ rõ điều kiện sinh sống, thực trạng kinh tế, đời sống tinh cảm của những người phụ nữ trong các hộ gia đình này và đặc biệt là sự so sánh với các gia đình có đầy đủ cả vợ chồng. Công trình nghiên cứu cũng chỉ ra những người phụ nữ trong các gia đình này cũng nhận được ít sự quan tâm, hỗ trợ từ cộng đồng và xã hội.

Nghiên cứu về việc kết nối nguồn lực (KNNL) để trợ giúp cho phụ nữ ở Việt Nam. Tác giả Thảo (2014) cho rằng: *“Liên kết nguồn lực dựa vào cộng đồng nhằm hỗ trợ phụ nữ nghèo nông thôn tạo việc làm, nghiên cứu trường hợp tại xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”*. Công trình nghiên cứu đã chỉ ra được thực trạng về vấn đề thiếu việc làm của phụ nữ nghèo tại địa bàn nghiên cứu, vai trò của việc liên kết nguồn lực trong tạo việc làm cho phụ nữ nghèo và đã đề xuất được các giải pháp tạo việc làm cho những phụ nữ nghèo, song đối với PNĐT và việc KNNL cộng đồng trong hỗ trợ PNĐT chưa được tác giả chú ý, phân tích.

Trong tác phẩm của mình về *“Vai trò KNNL nhằm hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010 đến nay”* của tác giả Thảo (2016), nghiên cứu đã chỉ ra được vai trò của nguồn lực và KNNL trong việc xóa đói giảm nghèo. Tác giả đã đề xuất những giải pháp trong việc KNNL để thực hiện xóa đói giảm nghèo cho người dân nói chung, việc KNNL để xóa đói giảm nghèo cho phụ nữ đặc biệt là phụ nữ nghèo lại ít được tác giả đề cập.

Như vậy, các công trình nghiên cứu khoa học trên đã chỉ ra được thực trạng đời sống của phụ nữ nói chung, phần nào làm rõ được vai trò của công tác xã hội trong việc trợ giúp và liên kết nguồn lực hỗ trợ phụ nữ, phụ nữ nghèo ở các khía cạnh cụ thể khác nhau. Tuy nhiên, những nghiên cứu trên chưa đi sâu vào phân tích các khía cạnh chuyên sâu trong việc kết nối nguồn lực cũng như các hoạt động nâng cao hiệu quả KNNL cộng đồng trong hỗ trợ PNĐT.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích tài liệu

Sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để tìm hiểu các chương trình, chế độ chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước dành cho nhóm PNĐT, một số tài liệu sách báo, báo cáo và tài liệu của phòng

Chính sách xã; tìm hiểu về các Nghị định các thông tư hướng dẫn dành cho đối tượng PNĐT; phân tích một số báo cáo khoa học, khóa luận tốt nghiệp có liên quan; phân tích số liệu từ cơ sở cung cấp.

Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi

Trong nghiên cứu này, sử dụng bảng hỏi nhằm lấy được thực trạng KNNL cộng đồng trong việc hỗ trợ PNĐT tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Số lượng mẫu nghiên cứu là 80 người PNĐT độ tuổi từ 20 đến 60 tuổi, PNĐT được lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách của Xã. Nội dung bảng hỏi: Các câu hỏi nhằm thu thập thông tin chung và đánh giá thực trạng KNNL cộng đồng trong việc hỗ trợ PNĐT.

Phương pháp phỏng vấn sâu

Trong nghiên cứu này chúng tôi đã sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để phỏng vấn 8 đối tượng, cụ thể là:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (01): Phỏng vấn nhằm nắm bắt và đánh giá được việc thực hiện chính sách của Nhà nước, quan điểm, chủ trương và sự quan tâm của chính quyền địa phương đến PNĐT trên địa bàn.

Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phụ trách khối Văn hóa - Xã hội (01): phỏng vấn nhằm tìm hiểu các nguồn lực, hoạt động KNNL đã thực hiện trợ giúp PNĐT trên địa bàn.

Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã (01): phỏng vấn sâu nhằm tìm hiểu những hoạt động của Hội đã thực hiện và những nguồn lực trợ giúp từ phía Hội đối với PNĐT.

PNĐT (03): phỏng vấn nhằm tìm hiểu sâu về hoàn cảnh, những khó khăn mà PNĐT gặp phải, mong muốn, nhu cầu, đời sống vật chất, tinh thần của PNĐT.

Trưởng thôn (02): Phỏng vấn nhằm tìm hiểu sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo thôn tới PNĐT, các chính sách riêng của thôn nhằm giúp đỡ PNĐT.

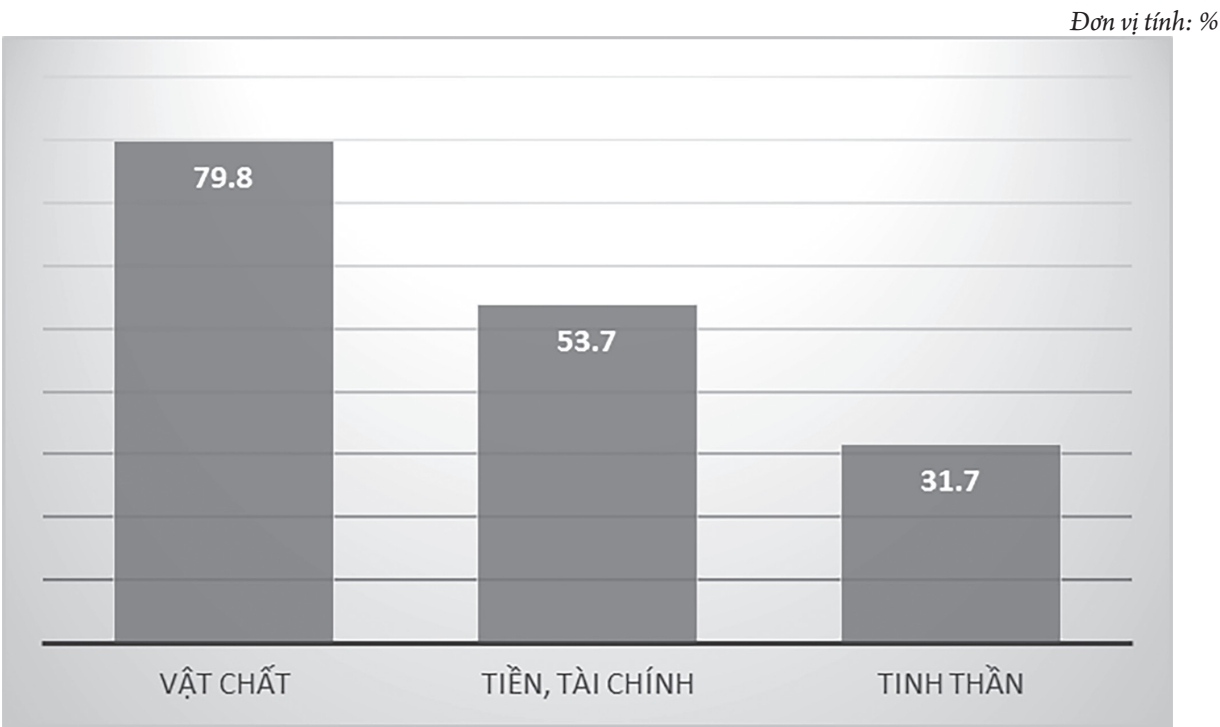
4. Hoạt động kết nối nguồn lực hỗ trợ phụ nữ đơn thân tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Kết nối nguồn lực là hành động của nhân viên CTXH thể hiện vai trò của mình trong việc liên kết lại các nguồn lực đã được phát hiện trong cộng đồng

và công tác tổ chức các nguồn lực đó để huy động các nguồn lực thực hiện kế hoạch cho hành động xây dựng cộng đồng một cách có lợi nhất cho cộng đồng địa phương và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực (Anh, 2017). Như vậy, hoạt động kết nối nguồn lực hỗ trợ phụ nữ đơn thân được hiểu với nội hàm của hoạt động kết nối nguồn lực chung

và hướng tới nhóm đối tượng là PNĐT. Nhìn vào biểu đồ kết quả điều tra, PNĐT được kết nối tới những nguồn lực cộng đồng chủ yếu là các nguồn lực thuộc vật chất, chiếm đến 79,8%. Tiếp theo đó là các nguồn lực về tiền hay liên quan tới tài chính (53,7%) và cuối cùng là nguồn lực liên quan đến tinh thần hay các hỗ trợ xã hội.

Hình 1. Những nguồn lực phụ nữ đơn thân được kết nối



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Đây cũng là một điều dễ hiểu khi hầu hết phụ nữ đơn thân tại địa bàn nghiên cứu có điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Các chị em thiếu thốn về nhân lực con người, thiếu sự quan tâm chung tay của người thân. Hơn nữa, khi phải dành thời gian chăm sóc con cái cũng chính là hạn chế thời gian để dành cho các hoạt động kinh tế, kiếm tiền. Vì vậy, phần lớn họ có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và đều có nhu cầu được hỗ trợ tài chính, kinh tế. Đây cũng là những nội dung kết nối nguồn lực mà đội ngũ những cán bộ thực hiện các hoạt động CTXH làm được. Do đó, có thể nói nhu cầu của PNĐT phần nào được đáp ứng và đó là tín hiệu đáng mừng. Tuy nhiên, những nguồn lực về xã hội còn hạn chế trong khi PNĐT là nhóm đối tượng nhạy cảm và hoàn cảnh gia đình của họ rất cần sự động viên, chăm sóc không chỉ về vật

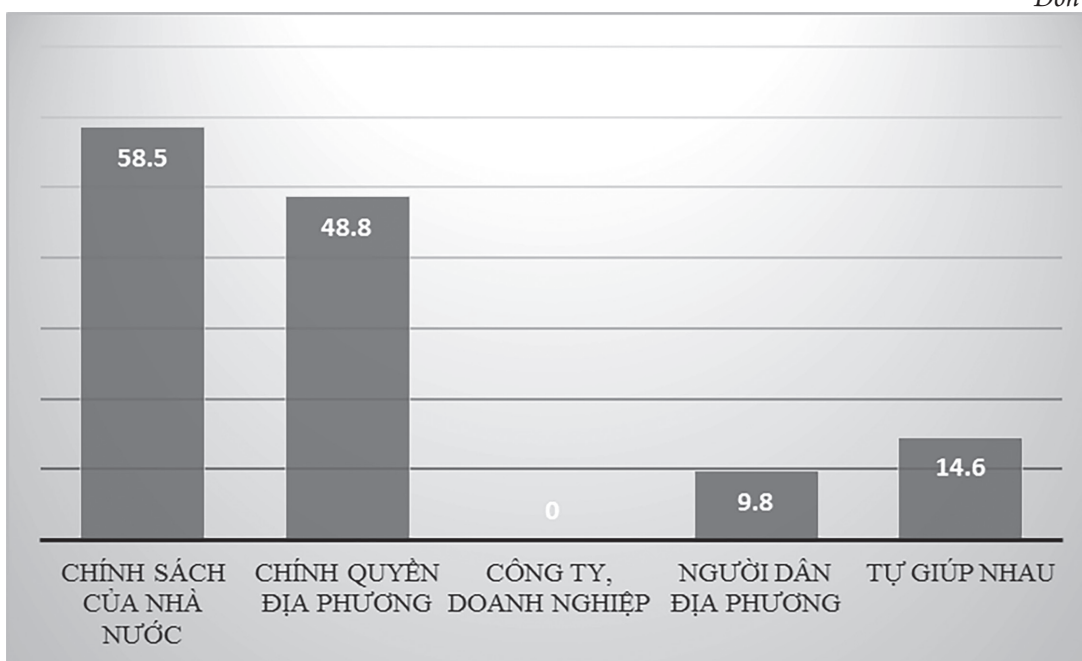
chất mà còn là tinh thần. Khi tinh thần thoải mái sẽ giúp cuộc sống vui vẻ hơn và vững tâm hơn trong việc vượt qua các khó khăn trong cuộc sống.

Trên thực tế, việc hỗ trợ tinh thần khác với những hỗ trợ vật chất hay tài chính vì nó đòi hỏi không đơn thuần là sự chia sẻ mà còn là kiến thức chuyên môn, chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ. Tuy nhiên, đây lại là một hạn chế khi đội ngũ cán bộ còn có quá nhiều việc cũng như chưa được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực Công tác xã hội nên khó có thể đưa ra các hỗ trợ về tinh thần hay tâm lý cho PNĐT.

Để trả lời cho câu hỏi PNĐT được kết nối nguồn lực từ đâu? Kết quả khảo sát cho thấy, nguồn lực có từ chế độ chính sách của nhà nước, từ chính quyền địa phương, từ hoạt động tự giúp nhau và từ người dân trên địa bàn.

Hình 2. Nguồn lực phụ nữ đơn thân được kết nối có từ đâu?

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Thứ nhất, nguồn lực được kết nối từ chính sách của Nhà nước. Hầu hết những người phụ nữ đơn thân xã Mai Lâm cho rằng nguồn lực hiện họ đang được kết nối chủ yếu là từ chính sách của Nhà nước (58.5%). Là chính sách vay vốn của ngân hàng chính sách xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có mã số và không có mã số. Một cán bộ xã Mai Lâm cho biết, hằng năm xã Mai Lâm vẫn thực hiện theo quy định hướng dẫn các hộ vay vốn: “Năm 2017, xã Mai Lâm có 400 hộ được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội để phát triển kinh tế, trong đó có 9 hộ là PNĐT (4 phụ nữ đơn thân thuộc hộ nghèo và 5 phụ nữ đơn thân không thuộc hộ nghèo)” (PVS, nữ, 40 tuổi).

Còn lại là các chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng đối với phụ nữ đơn thân nghèo đang nuôi con học. Theo các quy định này, hiện xã Mai Lâm chỉ có 11 người PNĐT đang nuôi con đi học được hưởng trợ cấp hàng tháng mức 350.000đồng/tháng/con trên tổng số 20 PNĐT nghèo cận nghèo, trên tổng số 400 người PNĐT có con và có con đang đi học và trên tổng số hơn 800 người PNĐT trên toàn xã Mai Lâm; có 28 người PNĐT được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và 20 PNĐT có con đi học được ưu đãi giáo dục - miễn giảm học phí. Đây là những con số ít ỏi. Có thể thấy rằng, nguồn lực từ chính sách, pháp luật của Nhà nước là nguồn lực nói chung và

chưa bao phủ được diện rộng những người PNĐT do nhiều lý do và quy định liên quan và phụ thuộc nhiều vào nguồn ngân sách và sự phát triển nền kinh tế xã hội đất nước ở mỗi giai đoạn nhất định. Số người PNĐT được hưởng chế độ chính sách từ nguồn lực này tại xã Mai Lâm còn quá thấp.

Thứ hai, nguồn lực được kết nối từ chính quyền địa phương. Theo kết quả điều tra (biểu đồ 2), những người PNĐT cho rằng nguồn lực họ được kết nối từ chính quyền địa phương là 48,8%. Chính quyền địa phương ở đây là chính quyền xã và lãnh đạo các thôn, khu trên địa bàn xã. Nguồn lực này thể hiện ở việc: triển khai các chương trình dự án, chế độ chính sách của các cấp tới người dân nói chung và PNĐT nói riêng; lãnh đạo của thôn, khu (bí thư chi bộ thôn, trưởng thôn) thực hiện các quy định của các cấp tới người dân và PNĐT. Ví dụ như: việc xét duyệt hộ nghèo, cận nghèo đối với các hộ là người phụ nữ đơn thân nhằm giúp đỡ họ được hỗ trợ một phần từ chính sách của Nhà nước. Việc hỗ trợ phụ nữ đơn thân vay vốn ưu đãi từ quỹ hội của Hội liên hiệp phụ nữ xã. Bà NTH, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ cho biết: “Hiện nay, quỹ hội mỗi năm do chị em đóng góp là 20 triệu đồng và cho được 1 hội viên vay làm vốn phát triển kinh tế. Hằng năm, chúng tôi vẫn duy trì quỹ này để cho các hộ hội

viên vay vốn lãi suất thấp và tặng quà nhân các dịp Tết Nguyên đán cho hội viên khó khăn. Năm 2017, chúng tôi đã cho 1 hội viên là PNĐT vay vốn với mức 20 triệu đồng và tặng một suất quà bằng tiền mặt trị giá 2 triệu đồng cho 1 hội viên là PNĐT là người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa dịp Tết Nguyên đán”. (Phỏng vấn sâu, nữ 50 tuổi).

Nguồn lực được kết nối với PNĐT từ chính quyền địa phương tại xã Mai Lâm có thể đánh giá hiệu quả như sau: Vẫn đang được thực hiện hằng năm thông qua việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách của Nhà nước tới các đối tượng, ngoài chương trình cho hội viên hội phụ nữ, trong đó có PNĐT vay vốn ưu đãi từ quỹ hội ra thì chính quyền địa phương chưa có hoạt động nào, chưa có chương trình dự án nào quan tâm riêng tới đối tượng là những người PNĐT, trong khi đó vốn vay từ quỹ hội phụ nữ cũng không được nhiều, hiệu quả chưa cao.

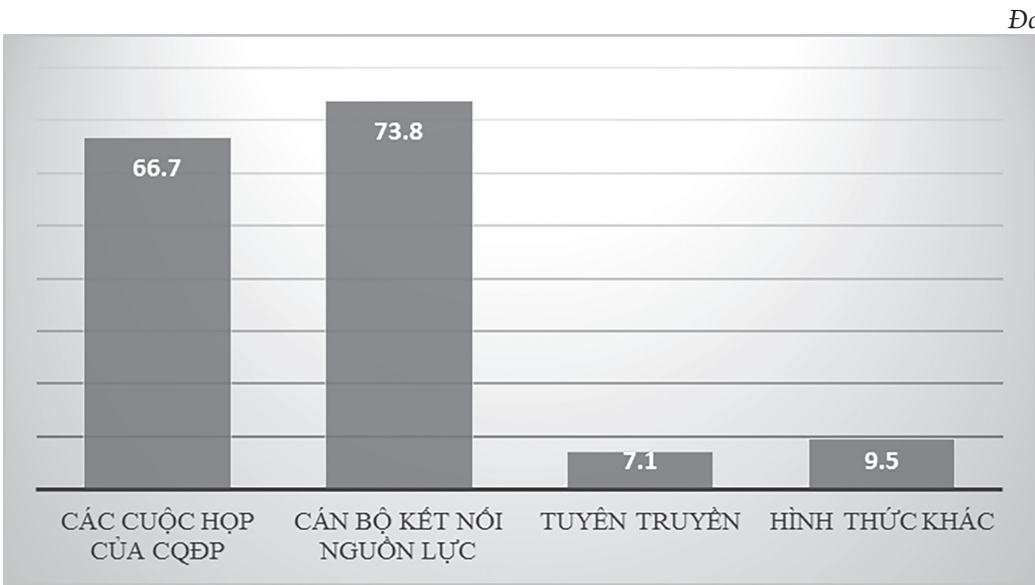
Thứ ba, nguồn lực được kết nối từ các công ty, doanh nghiệp. Từ biểu đồ trên cho thấy những người PNĐT khi được hỏi về những nguồn lực hiện đang được kết nối từ các công ty, doanh nghiệp, họ đều cho rằng không có. Như trên chúng tôi đã phân tích, việc tìm hiểu nguồn lực từ các công ty, doanh nghiệp tại xã Mai Lâm, cũng cho thấy rằng, đây là một trong những nguồn lực có tiềm năng cần phải tranh thủ sự ủng hộ, trên thực tế các công ty doanh nghiệp tại địa phương mới chỉ tham gia vào các hoạt động xã hội như: ủng hộ cho quỹ “Đền ơn đáp

nghĩa” và quỹ “Khuyến học” tại địa phương. Ngoài ra, các công ty doanh nghiệp này chưa tham gia vào và phát huy được vai trò đối với các hoạt động công tác xã hội, đặc biệt là hỗ trợ các đối tượng cần trợ giúp xã hội trong đó có những người PNĐT.

Thứ tư, nguồn lực từ người dân tại địa phương. Kết quả điều tra thể hiện trên biểu đồ cho thấy, những người PNĐT cho rằng nguồn lực hiện họ đang được kết nối từ người dân tại địa bàn là rất ít ỏi (chỉ có 9,8%). Những phân tích cho thấy, nguồn lực trong nhân dân là rất dồi dào: con người, vật chất, tài chính, tinh thần đoàn kết tương trợ nhau... Tuy nhiên, cần phải có sự huy động dựa trên việc triển khai sâu rộng đến nhân dân chương trình, kế hoạch, mục đích của các chương trình hỗ trợ những PNĐT để người dân nắm bắt được và tham gia.

Thứ năm, nguồn lực từ những người PNĐT tự giúp nhau trong các hoạt động sinh hoạt và phát triển kinh tế hàng ngày. Nguồn lực có từ hoạt động này được những PNĐT đánh giá cũng không nhiều (14,6%). Chỉ thể hiện ở sự giúp đỡ nhau của cá nhân những người hàng xóm láng giềng và họ hàng của chị em PNĐT như việc cho vay một ít tiền, làm đổi công..., hiệu quả mang lại cũng không cao và không có tổ chức. Vì vậy, cần phải thành lập hội PNĐT tự giúp nhau, có kế hoạch và những hoạt động cụ thể, có người lãnh đạo... để mang lại hiệu quả hỗ trợ cao nhất đối với nguồn lực từ hoạt động tự giúp nhau của những người PNĐT.

Hình 3. Hình thức kết nối nguồn lực cho phụ nữ đơn thân



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Các nguồn lực kết nối đến những PNĐT được đánh giá qua các hình thức: các cuộc họp của chính quyền địa phương, qua cán bộ KNNL, qua truyền miệng và qua các hình thức khác. Trong đó hình thức qua cán bộ KNNL là hình thức phổ biến nhất (73,8%), là hình thức mà người cán bộ KNNL từ cấp xã tới cấp thôn, khu trực tiếp thông báo, hướng dẫn và làm việc với những phụ nữ đơn thân về kết nối họ đến các nguồn lực phù hợp với các quy định về đối tượng, các tiêu chí... Hình thức phổ biến thứ hai là qua các cuộc họp của chính quyền địa phương từ xã tới các thôn, khu. Hình thức này thể hiện ở các cuộc họp triển khai kế hoạch tại xã, giao nhiệm vụ cho các bộ phận liên quan và lãnh đạo các thôn, khu; sau đó lãnh đạo các thôn, khu tiếp tục tiến hành xây dựng kế hoạch dựa trên kế hoạch của xã và những đặc điểm phù hợp với thôn, khu mình, tổ chức các cuộc họp thôn, họp dân để thông báo về nội dung và các hoạt động. Những PNĐT đủ điều kiện tham gia đăng ký hoặc được thôn bình xét để tham gia các chương trình và được giúp đỡ, hưởng lợi ích.

Ngoài ra, hình thức thông qua truyền miệng trên hệ thống loa phát thanh từ xã tới các thôn khu cũng là một hình thức được sử dụng thường xuyên. Tuy nhiên, hình thức này không được những người PNĐT đánh giá cao (7,1%) vì hiện tại hệ thống phát thanh này tại các xã nói chung còn gặp nhiều vấn đề khó khăn như: chất lượng về thiết bị âm thanh chưa được tốt, nhiều khu dân cư xa loa phát thanh, nhiều người đi lao động ngoài địa phương...

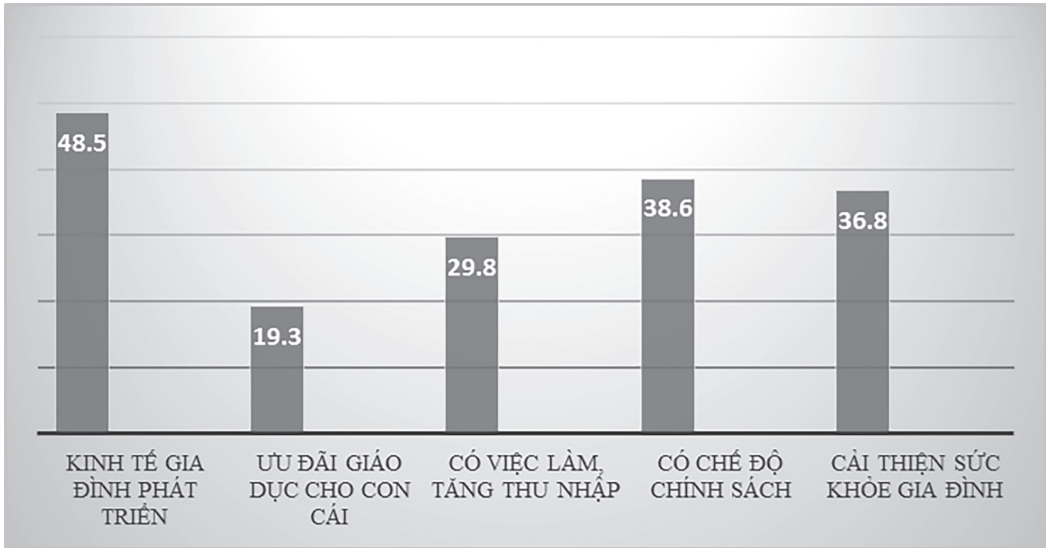
dẫn đến không nắm bắt thông tin thông báo hoặc nắm bắt không được đầy đủ. Còn một số hình thức khác như: PNĐT biết được thông tin từ địa phương khác và liên hệ chính quyền địa phương mình hoặc cán bộ KNNL để tìm hiểu, hay qua truyền miệng - người này nói chuyện với người kia... Hình thức này cũng không phổ biến (9,5%). Như vậy, với các hình thức KNNL đến những người PNĐT như trên thì hình thức qua cán bộ KNNL và qua các cuộc họp của chính quyền địa phương là hai hình thức phổ biến hơn cả, và cũng chính là những hình thức chính thống, trực tiếp và đạt được hiệu quả hơn các hình thức khác.

Để đánh giá được hiệu quả của hoạt động kết nối nguồn lực trong hỗ trợ PNĐT, nghiên cứu đi vào tìm hiểu thông qua đánh giá của những kênh sau: đánh giá của chính những người PNĐT - là những người trực tiếp tham gia vào các hoạt động KNNL và là người trực tiếp thụ hưởng lợi ích của việc KNNL; đánh giá của chính quyền địa phương và những cán bộ KNNL - là những người lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động KNNL và những người trực tiếp thực hiện hoạt động KNNL; và cuối cùng là đánh giá của người dân trong cộng đồng về hoạt động KNNL trong hỗ trợ PNĐT tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, đánh giá của PNĐT - người trực tiếp thụ hưởng lợi ích của việc KNNL. Khi được hỏi về việc KNNL mang lại lợi ích gì cho bản thân và gia đình, những người PNĐT cho biết như sau:

Hình 4. Hiệu quả của hoạt động KNNL đối với PNĐT và gia đình

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Biểu đồ đánh giá của PNĐT về việc KNNL mang lại thay đổi gì cho họ và gia đình cho thấy, những PNĐT đều cho rằng có mang lại sự thay đổi nhưng không cao, cụ thể: chủ yếu PNĐT cho rằng kinh tế gia đình phát triển, tuy nhiên chưa đạt 50% (48,5%), có chế độ chính sách (38,6%), được cải thiện sức khỏe tâm lý (36,8%), có việc làm tăng thu nhập (29,8%) và có ưu đãi giáo dục cho con cái đi học (19,3%). Từ những số liệu được phân tích trên cho thấy, đánh giá từ phía những người PNĐT - là những người trực tiếp hưởng lợi từ hoạt động KNNL là có hiệu quả nhưng còn nhiều hạn chế. Các hoạt động KNNL chưa mang lại nhiều thay đổi cho họ và gia đình.

Thứ hai, đánh giá của chính quyền địa phương và những cán bộ KNNL tại địa bàn. Những người làm lãnh đạo xã, thôn và những cán bộ KNNL tại địa phương cho biết xã Mai Lâm và các thôn, khu trên địa bàn xã không có, chưa có chương trình, hoạt động KNNL riêng của địa phương đối với PNĐT. Đại diện cho chính quyền xã Mai Lâm, bà NTN, Phó Chủ tịch phụ trách văn xã cho biết: “Chúng tôi thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với những người PNĐT thuộc đối tượng bảo trợ xã hội. Quan tâm đến đời sống của chị em phụ nữ đặc biệt là PNĐT, có sự chỉ đạo hoạt động đến các ngành liên quan như: Văn hóa xã hội - chính sách, Phụ nữ, Nông dân... Tuy nhiên, là chương trình chung, còn đối với nhóm chị em phụ nữ đơn thân nói riêng hiện do nhiều điều kiện khác nhau chúng tôi chưa thực hiện giúp đỡ hỗ trợ được nhiều nên hiệu quả trợ giúp PNĐT chưa được cao” (Phòng văn sâu, nữ, 42 tuổi).

Ông ĐCD, trưởng thôn Thái Bình, là một thôn có số hội viên phụ nữ và số PNĐT nhiều thứ hai của xã Mai Lâm cho biết: “Thôn chúng tôi hiện đang thực hiện các chương trình chung của Nhà nước và các cấp đối với PNĐT như vay vốn chính sách, xét duyệt hộ nghèo, cận nghèo, chứ thôn không có hoạt động nào dành riêng giúp đỡ PNĐT cả”. Bên cạnh đó, những người làm công tác KNNL tại địa phương cũng cho rằng hoạt động KNNL đối với PNĐT là hoạt động chung đối với phụ nữ hoặc những người dân và không cần phải tách riêng đối với nhóm PNĐT.

Cuối cùng là đánh giá của những người dân tại cộng đồng về hiệu quả của hoạt động KNNL tại xã Mai Lâm. Một người dân khi được hỏi đánh giá rằng: “Tôi thấy có hoạt động KNNL đến chị em phụ nữ nói chung, còn chị em phụ nữ đơn thân thì không có nhiều sự giúp đỡ, các hoạt động KNNL có hiệu quả nhưng không nhiều, chị em PNĐT còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống”.

Như vậy, với những đánh giá từ bản thân những người PNĐT, từ chính quyền địa phương, từ cán bộ KNNL và từ người dân tại địa phương - là những người có thể đánh giá sâu sát nhất đối với hiệu quả của hoạt động KNNL tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, có thể thấy rằng hoạt động KNNL đối với PNĐT tại đây có hiệu quả nhưng còn chưa cao và còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

5. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả kết nối nguồn lực trong hỗ trợ phụ nữ đơn thân tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

Giải pháp 1. Xây dựng “Quỹ hỗ trợ phụ nữ đơn thân” từ nhiều nguồn đa dạng trong đó nhấn mạnh vai trò của cộng đồng cũng như các tổ chức doanh nghiệp

- Mục đích:

+ Tạo ra chính sách riêng của địa phương trong hỗ trợ PNĐT, thể hiện sự quan tâm, chăm lo đến đời sống của nhóm yếu thế trong xã hội, tăng cường trợ giúp an sinh xã hội.

+ Giúp đỡ những PNĐT, đặc biệt là những PNĐT có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo, nuôi con ăn học.

+ Tăng cường sự tham gia và đóng góp của cộng đồng, các doanh nghiệp tổ chức trong hỗ trợ PNĐT.

+ Nâng cao hiệu quả công tác KNNL trong hỗ trợ PNĐT tại địa phương.

- Hoạt động:

+ Vận động ủng hộ thành lập quỹ từ trong nhân dân, cá nhân, tổ chức, cơ quan doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trên địa bàn bằng các hình thức khác nhau: tuyên truyền trên hệ thống phát thanh, vận động trực tiếp, thư mời, các cuộc gọi của lãnh đạo... với mức vận động cụ thể, thực hiện 1 lần/năm và vào tháng 2 - 3 Dương lịch (sau Tết Nguyên đán) là thời điểm của các lễ hội, sau tết tâm lý nhân dân thoải mái đón

Xuân, chào đón năm mới, tài chính đang dồi dào, thuận lợi cho công tác vận động ủng hộ.

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng và đặc biệt là các doanh nghiệp, các hội, ban ngành trong việc huy động nguồn lực hỗ trợ PNĐT. Có cơ chế cũng như đẩy mạnh việc truyền thông qua các hình thức khác nhau để các doanh nghiệp hiểu rõ hơn ý nghĩa của hoạt động này.

+ Ngoài ra cũng có thể có thêm cơ chế ưu đãi tuyển dụng đối với PNĐT trong các doanh nghiệp cũng là một cách tạo ra nguồn lực cho PNĐT

+ Quản lý quỹ: giao trách nhiệm quản lý quỹ và sử dụng quỹ đúng mục đích.

+ Sử dụng quỹ: trợ cấp cho PNĐT nghèo cô đơn không nơi nương tựa, PNĐT nghèo mắc bệnh hiểm nghèo, PNĐT nghèo nuôi con ăn học; cho vay ưu đãi không lãi đối với những PNĐT có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà, tặng sổ tiết kiệm nhân dịp Tết Nguyên đán của dân tộc; hỗ trợ về nhà ở; trang thiết bị giáo dục cho con em PNĐT nghèo...

- Người thực hiện:

+ UBND xã: Lãnh đạo xã phụ trách mảng, các cán bộ KNNL xã, thủ quỹ cơ quan.

+ Thôn, khu: Lãnh đạo thôn khu, cán bộ KNNL thôn, ban công tác mặt trận, nhân dân, bản thân PNĐT.

+ Doanh nghiệp, cơ quan, nhà hảo tâm trên địa bàn xã.

+ Bản thân những người PNĐT.

Với giải pháp này, địa phương sẽ tạo ra được chính sách riêng trong hỗ trợ PNĐT nhằm nâng cao hiệu quả của KNNL. Tăng số lượng PNĐT có hoàn cảnh khó khăn được giúp đỡ lên con số đáng kể ngoài những PNĐT hiện đang hưởng theo chế độ chính sách của Nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động CTXH tại địa phương.

Giải pháp 2. Thành lập “Câu lạc bộ phụ nữ đơn thân tự giúp”

- Mục đích:

+ Tạo ra sự gắn kết giúp đỡ nhau về mọi mặt trong đời sống của chính PNĐT.

+ Giúp đỡ những PNĐT được thuộc về một nhóm và hoạt động có tổ chức, được hỗ trợ về kinh

tế, vật chất, tinh thần, sức khỏe, tâm lý...

+ Nâng cao hiệu quả công tác KNNL trong hỗ trợ PNĐT tại địa phương

- Hoạt động:

+ Thành lập câu lạc bộ PNĐT tự giúp theo hệ thống từ cấp xã tới cấp thôn, khu trên văn bản có tính pháp lý. Có chủ nhiệm câu lạc bộ xã và tổ trưởng các câu lạc bộ tự giúp nhau ở thôn. Mỗi một thôn, khu có một câu lạc bộ. Hoạt động theo nội quy quy định. Chủ nhiệm và các tổ trưởng các câu lạc bộ tự giúp là người có uy tín trong nhân dân, tinh thần trách nhiệm.

+ Cử cán bộ tham gia nhiều hơn vào các khoá tập huấn, đào tạo trong lĩnh vực CTXH để được nâng cao năng lực từ đó có khả năng cung cấp các hoạt động hỗ trợ về tâm lý, tinh thần cho PNĐT.

+ Trong CLB nên đẩy mạnh các hoạt động nhóm có sự điều phối của cán bộ có chuyên môn về tâm lý hoặc CTXH để từ đó nâng cao sự tương tác, trợ giúp lẫn nhau về các nguồn lực nói chung và các chia sẻ về tinh thần nói riêng.

- Người thực hiện:

+ UBND xã: Chủ tịch UBND xã ra quyết định thành lập

+ Chủ nhiệm câu lạc bộ xây dựng nội quy, quy chế hoạt động, cụ thể các vấn đề tự giúp như thế nào, sinh hoạt câu lạc bộ định kỳ, nội dung sinh hoạt...

+ Cán bộ KNNL quản lý, hướng dẫn hoạt động

+ PNĐT thực hiện

Giải pháp 3. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong kết nối nguồn lực hỗ trợ phụ nữ đơn thân

- Mục đích:

+ Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân trong các hoạt động công tác xã hội, trợ giúp xã hội tại địa phương.

+ Tăng cường sự tham gia và đóng góp của cộng đồng trong hỗ trợ PNĐT.

+ Nâng cao hiệu quả công tác KNNL trong hỗ trợ PNĐT tại địa phương

- Hoạt động:

+ Tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, nêu gương người tốt việc tốt, tuyên dương khen thưởng

đối với những cá nhân, tập thể, nhà hảo tâm, cơ quan, doanh nghiệp trong hỗ trợ PNĐT trên hệ thống phát thanh, trong các cuộc họp, đặc biệt là trong hội nghị tổng kết công tác mặt trận, hội nghị Đại đoàn kết toàn dân.

- Người thực hiện:

+ UBND xã

+ Thôn, khu

+ Cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, nhà hảo tâm trên địa bàn xã

Với giải pháp này, địa phương sẽ nhân rộng được các gương điển hình, trong công tác hỗ trợ PNĐT trên địa bàn, làm động lực thúc đẩy người dân trong cộng đồng tham gia vào hoạt động, các doanh nghiệp tích cực tham gia vì trách nhiệm xã hội và vì chính bản thân doanh nghiệp trong quảng bá hình ảnh của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, N. T. L. (2017). *Kết nối nguồn lực dựa vào cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ sau sinh tại xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam*. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Lao động - Xã hội.
- Bộ Y tế. (2014). *Thông tư 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế đối với các đối tượng*.
- Hải, N. T. (2016). *Giáo trình Phát triển cộng đồng*. NXB Dân trí.
- Thảo, Đ. T. (2016). *Vai trò kết nối các nguồn lực nhằm hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay*. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Thảo, N. T. (2015). *Liên kết nguồn lực dựa vào cộng đồng nhằm hỗ trợ phụ nữ nghèo nông thôn tạo việc làm, nghiên cứu trường hợp tại xã Lâm Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang*. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Thi, L. (2002). *Cuộc sống của những người phụ nữ đơn thân Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Trung tâm nghiên cứu Gia đình và Phụ nữ. (1996). *Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng*. Kết quả từ dự án nghiên cứu của tổ chức SAREC của Thụy Điển.
- Vân, N. T. T. (2015). *Vị thế của người phụ nữ trong xã hội Nho giáo Chosun và mối liên hệ với người mẹ đơn thân tại Hàn hiện nay*. NXB Giáo dục.